

Bản án số: 05/2019/DS-ST
Ngày: 25-4-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Minh Phương và bà Hoàng Thị Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Xuân Quảng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2019/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2019/QĐST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị V, sinh năm 1969.

Nơi cư trú: Xóm 1, xã DQ, huyện D, Nghệ An. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1990. (Văn bản ủy quyền ngày 21/02/2019).

Nơi cư trú: Xóm 5, xã DH, huyện D, Nghệ An. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Cao Xuân H, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Xóm 3, xã DH, huyện D, Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 12 năm 2018, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị V, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tr trình bày: Trong khoảng thời gian 2011-2012 chị Trần Thị V lập

phường, làm chủ phường và chơi phường với một số người, trong đó có anh Cao Xuân H. Sau đó, phường vỡ, chấm dứt hoạt động, chị V và anh H ngồi lại chốt nợ với nhau, anh H còn nợ chị V tiền phường 304.000.000đồng (ba trăm linh tư triệu đồng). Ngoài ra, anh H còn vay tiền chị V nhiều lần, lúc nhiều lúc ít...sau đó, chị V và anh H chốt tổng tiền vay còn 183.000.000đồng (một trăm tám mươi ba triệu đồng). Việc chốt tiền phường, tiền nợ vào ngày 30/01/2012 tại nhà chị V (xóm 1, xã DQ). Chị V đã trực tiếp đến nhà anh H đòi nợ nhiều lần nhưng anh H không trả. Ngày 15/11/2018, chị V tiếp tục có Thông báo đến anh H các khoản nợ nói trên, yêu cầu anh H chậm nhất là ngày 30/11/2018 phải trả cho chị V số tiền trên, nhưng anh H không thực hiện. Chị V làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Cao Xuân H trả cho chị tổng số tiền 487.000.000đồng (bốn trăm tám mươi bảy triệu đồng) và không yêu cầu lãi suất.

Bị đơn anh Cao Xuân H trình bày tại Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai và Biên bản hòa giải: Anh thừa nhận trong khoảng thời gian từ 2011-2012, anh và chị Trần Thị V có chơi phường với nhau. Chị V làm chủ phường, anh là người chơi phường. Anh luôn đóng phường đầy đủ, đến khi anh đi Lào anh nhờ chị V nộp hộ tiền phường. Đến cuối năm 2012 phường vỡ, chị V và anh có tính toán số tiền phường anh còn nợ 304.000.000đồng (ba trăm linh tư triệu đồng). Anh thừa nhận Giấy thể hiện nội dung “30/1/2012 Tổng H còn nợ đi V 183 triệu bằng chữ: Một trăm tám ba triệu chẵn Cao Xuân H” và Giấy thể hiện nội dung “Tính tổng tiền các phường còn nợ 304.000.000 bằng chữ: ba trăm linh tư triệu Cao Xuân H Ngày 30/1/2012” là chữ viết của anh. Nhưng theo anh thì giấy ghi tổng 304.000.000đồng là tổng cộng của tất cả các khoản và đã gạch hết. Anh đã trả cho chị V số tiền trên, hiện giấy tờ, tin nhắn trả tiền, anh còn lưu giữ tại điện thoại. Nay chị V vì tờ giấy nháp anh ngồi viết để báo với vợ và gia đình cho vui mà khởi kiện anh là không đúng, vì trên giấy ghi nợ anh chỉ ghi số tiền nợ chứ không ghi rõ anh nợ ai.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị V, bị đơn anh H thừa nhận việc chơi phường, nợ tiền, chốt nợ không liên quan đến vợ chồng các bên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Tòa án nhân dân huyện D thụ lý đúng thẩm quyền, trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký tuân thủ theo đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Cao Xuân H cố tình trốn tránh không chấp hành theo giấy triệu tập gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng trình tự thủ tục tố tụng, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn là đúng pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 473, 474, 477, 479 Bộ luật Dân sự năm 2005, sửa đổi bổ sung năm 2011 xử chấp nhận yêu cầu của chị V, buộc anh Cao Xuân H có nghĩa vụ trả nợ cho chị

V 487.000.000đồng (bốn trăm tám mươi bảy triệu đồng) tiền gốc. Buộc bị đơn anh H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn cư trú tại xóm 3, xã DH, huyện D. Theo quy định tại khoản 3 điều 26, điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Nghệ An.

- Quyền khởi kiện: Anh H vi phạm nghĩa vụ trả nợ, quyền lợi của chị V bị ảnh hưởng nên chị V có quyền khởi kiện.

- Về việc xét xử vắng mặt: Bị đơn anh Cao Xuân H có hộ khẩu thường trú tại xóm 3, xã DH, huyện D, tỉnh Nghệ An. Hiện đang có mặt tại địa phương. Anh H được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ. Tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 19/4/2019 anh H vắng mặt không có lý do, phiên tòa lần thứ hai anh tiếp tục vắng mặt, căn cứ vào khoản 16 điều 70, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về nội dung:

Trong khoảng thời gian từ năm 2011-2012, chị V lập và làm chủ phường, anh H chơi phường với chị V. Và cũng trong thời gian này, anh H còn vay tiền chị V nhiều lần, có lần đã trả và cũng có lần chưa trả. Sau đó, phường vỡ, chấm dứt hoạt động, ngày 30/1/2012 chị V, anh H ngồi lại tính toán, chốt tiền phường còn nợ và tiền vay chưa trả. Anh H thừa nhận Giấy thể hiện nội dung “Tính tổng tiền các phường còn nợ 304.000.000 bằng chữ: ba trăm linh tư triệu Cao Xuân H Ngày 30/1/2012” và Giấy thể hiện nội dung “30/1/2012 Tổng H còn nợ gì V 183 triệu bằng chữ: Một trăm tám ba triệu chẵn Cao Xuân H” là chữ viết của anh.

Theo chị V, anh H chưa thanh toán cho chị các khoản nợ đã tính, nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh H trả cho chị tổng số tiền 487.000.000đồng (bốn trăm tám mươi bảy triệu đồng).

Anh H thừa nhận việc chơi phường và vay tiền của chị V, khi phường chấm dứt hoạt động, có ngồi chốt tổng tiền phường còn nợ và tiền vay chưa trả. Giấy ghi tổng 304.000.000đồng là tổng cộng của tất cả các khoản, anh đã thanh toán đầy đủ và đã gạch hết.

Căn cứ vào tài liệu chị V xuất trình (Bút lục số 32):

“Tính tổng tiền các phường còn nợ gì V 244 triệu bằng chữ hai trăm bốn tư triệu Cao Xuân H”. Đã được dùng bút màu xanh gạch bằng chữ “R”.

“Tính tổng tiền các phường còn nợ gì V 304 triệu bằng chữ hai trăm bốn tư triệu Cao Xuân H”. Đã được dùng bút màu xanh gạch bằng chữ “R”.

“Tính tổng tiền các phường còn nợ: 304.000.000 bằng chữ ba trăm linh tư triệu Cao Xuân H ngày 30/1/2012”.

Bút lục 33:

“7/3/2011 âm lịch Tổng H còn nợ gì V là: 14.800.000 bằng chữ: 1 trăm 4 mươi 8 triệu Ký tên H”. Đã được dùng bút màu xanh gạch bằng chữ “R”.

“30/1/2012 Tổng H còn nợ gì V 183 triệu bằng chữ: Một trăm tám ba triệu chẵn Cao Xuân H”.

Như vậy, việc anh H chơi phường và vay tiền chị V, khi phường chấm dứt hoạt động đã chốt tiền phường còn nợ và tiền vay chưa trả là có thực. Các khoản đã thanh toán được gạch bằng chữ “R”. Khoản phường còn nợ 304.000.000đồng và khoản tiền vay 183.000.000đồng, không được gạch. Anh H trình bày tài liệu thể hiện việc trả nợ thông qua tin nhắn điện thoại và giấy tờ anh đang lưu giữ. Tòa án đã cho anh H thời gian để cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện việc thanh toán các khoản nợ này nhưng anh H không cung cấp, và sau đó không chấp hành việc báo gọi làm việc của Tòa án. Chứng tỏ, anh H không có ý thức chấp hành pháp luật và từ bỏ quyền được tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Khoản 4 điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”.

Xét việc các bên chơi phường, khi phường vỡ đã tính toán chốt thành tiền còn nợ và tính tiền vay chưa trả lập thành văn bản không có thỏa thuận về thời gian vay và lãi suất là sự thỏa thuận tự nguyện giữa các bên. Giao dịch được thực hiện vào những năm 2011-2012. Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại các điều 473, 474, 477, 479 Bộ luật Dân sự năm 2005, sửa đổi bổ sung năm 2011 xử chấp nhận yêu cầu của chị V buộc anh H có nghĩa vụ trả nợ cho chị V số tiền gốc 487.000.000đồng (bốn trăm tám mươi bảy triệu đồng).

Về lãi suất: Chị V không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên cần buộc bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải thanh toán. Trả lại cho nguyên đơn khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Nghệ An.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 473, 474, 477, 479 Bộ luật dân sự năm 2005, sửa đổi bổ sung năm 2011;
- Khoản 4, điều 91; điều 147; điều 227, điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.
- Nghị quyết 326/2016/QH về Án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bị đơn anh Cao Xuân H có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn chị Trần Thị V số tiền gốc 487.000.000đồng (bốn trăm tám mươi bảy triệu đồng).

2. Quyền yêu cầu thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7; 7a; 7b và điều 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Án phí: Buộc bị đơn anh Cao Xuân H phải chịu 23.480.000đồng (hai mươi ba triệu, bốn trăm tám mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị Trần Thị V 12.175.000đồng (mười hai triệu, một trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000834 ngày 17/01/2019.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn, vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ + lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Hải Yến